

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG**
Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ về tài sản do người chết
để lại xuất phát từ hợp đồng góp hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Công.

Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại xuất phát từ hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970 (*Vắng mặt có lý do*).

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1992 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05-02-2024) (*Có mặt*).

Địa chỉ: số A Quốc lộ F, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là số 132 Quốc lộ F, ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn:

2.1- Cụ Phạm Thị C, sinh năm: 1936 (*Vắng mặt không lý do*);

2.2- Bà Võ Thị P, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt không lý do*);

2.3- Ông Võ Thanh T1, sinh năm: 1990 (*Vắng mặt không lý do*);

Cùng địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

2.4 - Bà Võ Thị H, sinh năm: 1981 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm C, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-6-2024, các bản tự khai ngày 26-02-2025, 29-8-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng V cùng trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1957, địa chỉ: khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long là bạn bè thân thiết nhiều năm. Vào ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch) bà T có tham gia 02 phần hội ghi tên “Toa-Cầu Ngang” trong dây hội thàng 10.000.000 đồng do bà H1 làm đầu thảo hội, bà T trực tiếp giao dịch hội với bà H1. Dây hội có 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bằng hình thức bỏ thăm, ai kêu thăm cao thì được hốt hội, hội viên đóng tiền sau 02 ngày khai hội, đầu thảo giao tiền sau 03 - 04 ngày cho hội viên đã kêu thăm cao. Tiền hoa hồng đầu thảo hưởng mỗi lần khai hội là 5.000.000 đồng. Việc chơi hội bà H1 có lập sổ sách, có giao danh sách hội cho hội viên tham gia chơi hội giữ, riêng bà T thì bà H1 chụp danh sách hội gửi qua zalo cho bà T. Dây hội này đã mãn ngày 19-4-2022 (nhằm ngày 19-3-2022 âm lịch). Hội khai được 16 lần, bà T đã đóng hội sống được là 132.250.000 đồng. Khi đóng hội, có khi bà T chuyển khoản, có khi gửi bằng tiền mặt cho bà H1 nhận. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch) bà Lê Thị Huỳnh N (Nga-K3) hốt kêu 1.500.000 đồng, bà T đóng hội sống 8.500.000 đồng x 2 phần = 17.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 04-11-2020 (nhằm ngày 19-9-2020 âm lịch) bà Bùi Thị H1 (H1 đầu thảo) hốt kêu 1.600.000 đồng, bà T đóng hội sống 8.400.000 đồng x 2 phần = 16.800.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 03-12-2020 (nhằm ngày 19-10-2020 âm lịch) bà Nguyễn Thị T (T-Cầu N) hốt kêu 1.400.000 đồng. Bà H1 giao tiền mặt hốt hội cho bà T 152.600.000 đồng [Gồm: 02 lần chết x 10.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 146.200.000 đồng (= 17 lần sống x 8.600.000 đồng) – 8.600.000 đồng của 01 phần sống còn lại bà T phải đóng – 5.000.000 đồng hoa hồng đầu thảo].

- Lần 4: Ngày 01-01-2021 (nhằm ngày 19-11-2020 âm lịch) bà Huỳnh Thị P1 (P-Si-k3) hốt kêu 1.600.000 đồng, bà T đóng phần hội sống 8.400.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hội chết là 18.400.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 31-01-2021 (nhằm ngày 19-12-2020 âm lịch) bà Nguyễn Thị Hồng G (Hò N-77) hốt kêu 1.500.000 đồng, bà T đóng phần hội sống 8.500.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hội chết là 18.500.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 02-3-2021 (nhằm ngày 19-01-2021 âm lịch) M - Cầu Ngang hốt kêu 1.600.000 đồng, bà T đóng phần hội sống 8.400.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hội chết là 18.400.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 31-3-2021 (nhằm ngày 19-02-2021 âm lịch) ông Dương Hoàng Bảo G1 (Nương-B-bán ốc) hốt kêu 1.850.000 đồng, bà T đóng phần hội sống 8.150.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hội chết là 18.150.000 đồng.

- Lần 8: Ngày 30-4-2021 (nhằm ngày 19-3-2021 âm lịch) không rõ người kêu hốt thăm 1.900.000 đồng, bà T đóng phần hội sống 8.100.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hội chết là 18.100.000 đồng.

- Lần 9: Ngày 30-5-2021 (nhằm ngày 19-4-2021 âm lịch) bà Bùi Thị Thu T2 (T2-mua heo-k2) hốt kê 2.100.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 7.900.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 17.900.000 đồng.

- Lần 10: Ngày 28-6-2021 (nhằm ngày 19-5-2021 âm lịch) bà Nguyễn Thị Hồng G (Hò N-77) hốt kê 2.150.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 7.850.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 17.850.000 đồng.

- Lần 11: Ngày 28-7-2021 (nhằm ngày 19-6-2021 âm lịch) không rõ người hốt kê 2.100.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 7.900.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 17.900.000 đồng.

- Lần 12: Ngày 26-8-2021 (nhằm ngày 19-7-2021 âm lịch) bà Võ Thị Ngọc C1 (P2-tôm) hốt kê 1.500.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 8.500.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 18.500.000 đồng.

- Lần 13: Ngày 25-9-2021 (nhằm ngày 19-8-2021 âm lịch) bà Hồ Thị Lệ T3 (Hoàng M1) hốt kê 2.100.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 7.900.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 17.900.000 đồng.

- Lần 14: Ngày 24-10-2021 (nhằm ngày 19-9-2021 âm lịch) bà Bùi Thị Thu T2 (T2-mua heo-k2) hốt kê 1.800.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 8.200.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 18.200.000 đồng.

- Lần 15: Ngày 23-11-2021 (nhằm ngày 19-10-2021 âm lịch) ông Nguyễn Thành C2 (chú C3-k3) hốt kê 1.500.000 đồng, bà T đóng phần hui sống 8.500.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 18.500.000 đồng.

- Lần 16: Ngày 22-12-2021 (nhằm ngày 19-11-2021 âm lịch) bà Võ Thị Hồng S (chị Hồng S-k1) hốt kê 1.550.000 đồng, bà T đóng hui sống 8.450.000 đồng + 10.000.000 đồng phần hui chết là 18.450.000 đồng.

Do bà T ở Cầu N, nên mỗi lần khui hui bà T không có mặt, hui khui lần thứ 3 ngày 03-12-2020 (nhằm ngày 19-10-2020 âm lịch) bà T hốt hui cũng nhờ bà H1 đầu thảo ghi thăm dùm.

Hai phần hui tham gia bà T mới hốt một phần, còn lại một phần hui sống, bà T được biết bà Bùi Thị H1 không thông qua bà nhưng đã mượn một phần hui sống của bà T ghi thăm hốt sử dụng cá nhân. Ngoài ra, bà H1 ghi tên bà T tham gia các dây hui khác và đã hốt các phần hui để sử dụng cá nhân nhưng bà T không có tham gia chơi các dây hui khác.

Ngày 18-01-2022, bà Bùi Thị H1 chết. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 hiện có gồm mẹ ruột là cụ Phạm Thị C và 03 người con là Võ Thị H, Võ Thị P, Võ Thanh T1. Cha ruột và chồng bà H1 đều đã chết.

Bà H1 chết có để lại di sản gồm: Thửa đất số 75, diện tích 1.181,6m², loại đất ODT-CLN, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long), trên đất có một căn nhà tường cấp 4, quyền sử dụng đất số sêri CS 382374, sổ vào sổ cấp giấy CN: CS 07007, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 13-6-2019 và bà H1 có tham gia hai bảo hiểm nhân thọ AIA, Prudential trị giá khoảng 01 tỷ đồng.

Do bà H1 chết mà chưa thực hiện xong nghĩa vụ của đầu thảo hui đối với hui viên bà T là trả lại tiền hui, mặc dù bà T có đòi nhiều lần nhưng người thân của bà

H1 vẫn không chịu trả lại tiền hui thay. Nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà H1 là cụ Phạm Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà H1 chết để lại là trả cho bà T số tiền hui bà T đã đóng 16 lần trong dây hui đã nêu tính hui chết bằng 160.000.000 đồng; Bà T đồng ý khấu trừ lại 04 lần hui chết (của phần hui đã hót) mà bà T có nghĩa vụ đóng lại cho bà H1 bằng 40.000.000 đồng và trừ tiền hoa hồng đầu thảo 5.000.000 đồng, thì cụ C, bà H, bà P, ông T1 còn phải trả cho bà T là 115.000.000 đồng và trả trong phạm vi di sản của bà H1 chết để lại.

Quá trình Tòa án mời làm việc, qua trao đổi thỏa thuận với phía bị đơn bà H, bà T tự nguyện giảm số tiền yêu cầu, nay chỉ đòi lấy lại tiền hui vốn sau khi trừ 04 lần hui chết phải đóng lại và tiền hoa hồng đầu thảo, thì yêu cầu cụ C, bà H, bà P, ông T1 còn phải trả cho bà T là 87.250.000 đồng (= 132.250.000 đồng – 40.000.000 đồng – 5.000.000 đồng) và yêu cầu trả trong phạm vi di sản của bà H1 chết để lại là quyền sử dụng đất thửa số 75 đã nêu.

Tại phiên hòa giải ngày 17-6-2025, bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà là con ruột của bà Bùi Thị H1. Cha của bà là ông Võ Văn T4 và ông ngoại của bà đều đã chết. Cụ Phạm Thị C là bà ngoại của bà (Mẹ ruột bà H1) còn sống, nhưng đã lớn tuổi, đi đứng khó khăn, không liên quan sự việc tranh chấp tiền hui, đề nghị phía nguyên đơn xem xét không khởi kiện cụ C. Bà H1, ông T4 chỉ có 03 người con chung là bà, Võ Thị P và Võ Thanh T1, ngoài ra không có con chung, con riêng nào khác. Lúc bà H1 còn sống có làm đầu thảo hui. Nhưng việc bà Nguyễn Thị T có là hui viên tham gia chơi hui, đóng hui hay hót hui thế nào thì gia đình bà không biết.

Hiện tại thửa đất số 75, diện tích 1.181,6m², loại đất ODT-CLN, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, quyền sử dụng đất số sêri CS 382374, sổ vào sổ cấp giấy CN: CS 07007, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 13-6-2019 do Võ Thanh T1 đang quản lý, sử dụng, chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Thửa đất này trước đây có thể chấp vay tiền ở Ngân hàng TMCP B1, sau đó bà đã xuất tiền riêng để trả nợ thay và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cất giữ cho đến nay. Đối với thửa đất này bà là người có công sức gìn giữ đất.

Nay bà T yêu cầu cụ Phạm Thị C, bà, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 trả tiền nợ hui 87.250.000 đồng trong quyền sử dụng đất thửa số 75 thì bà không đồng ý, do bà không xác định được bà H1 có nợ tiền hui của bà C bao nhiêu hay không.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập làm việc cho bị đơn cụ Phạm Thị C, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1, nhưng họ đều không đến Tòa trong các buổi mời làm việc. Do họ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bà T có mặt giữ nguyên yêu cầu cụ C, bà H, bà P, ông T1 trả số tiền nợ hui 87.250.000 đồng trong phạm vi di sản của bà H1 chết để lại là thửa đất số 75 đã nêu. Đối với cụ C, bà P, ông T1, bà

H vắng mặt, nên không có lời trình bày. Các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vụ đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 471, 615 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu phưởng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; Buộc cụ Phạm Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 phải trả cho bà T số tiền nợ hội 87.250.000 đồng trong phạm vi di sản là quyền sử dụng đất do bà Bùi Thị H1 chết để lại là thửa đất số 75; Trường hợp đương sự chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà T đối với số tiền chênh lệch theo yêu cầu của đơn khởi kiện và phạm vi di sản dùng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, do bà T rút lại một phần yêu cầu. Ngoài ra, V1 đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị T yêu cầu cụ Phạm Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hui trong phạm vi di sản là quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị H1 chết để lại. Nên đây là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại xuất phát từ hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 615, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với cụ C, bà P, ông T1 có địa chỉ cư trú tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long), bà H có địa chỉ cư trú tại khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm C, xã C, tỉnh Vĩnh

Long). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Bà T có tranh chấp với cụ C, bà H, bà P, ông T1; Bà T không trực tiếp tham gia tố tụng vụ án mà ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng V. Nên xác định bà T là nguyên đơn; ông V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; cụ C, bà H, bà P, ông T1 là bị đơn. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với cụ C, bà H, bà P, ông T1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, nhưng các đương sự vắng mặt, chỉ bà H có một lần đến dự hòa giải ở Tòa. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo luật định.

[4] *Xét yêu cầu đòi số tiền hui 87.250.000 đồng của bà Nguyễn Thị T:*

Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn cụ C, bà H, bà P, ông T1 là những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của người chết là bà Bùi Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui còn nợ là 87.250.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T có nộp cho Tòa án Danh sách hui viên của đây hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch) thể hiện giữa bà H1 với bà T có thỏa thuận giao dịch hui với nhau, trong đó bà H1 là đầu thảo, bà T là hui viên. Quá trình giao dịch hui, bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hui viên là đóng tiền hui, nhưng bà H1 đã chết mà chưa thực hiện xong nghĩa vụ của đầu thảo là thu tiền, giao tiền hui, người thân thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà H1 không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui, nên đã vi phạm nghĩa vụ của đầu thảo khi giao dịch hui.

Đối với cụ C, bà H, bà P, ông T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa, biết rõ việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà T kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hui của bà H1, được thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa, cũng không nộp bất kỳ chứng cứ nào phản bác yêu cầu của bà T; Riêng bà H có một lần đến dự hòa giải nhưng chỉ trình bày lời nói mà không có chứng cứ chứng minh. Như vậy, phía bị đơn đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án này.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định “*Đương sự có*

nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Tại các Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST và số 20/2024/DS-ST cùng ngày 24-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Đã có hiệu lực pháp luật thi hành), cùng về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại và cùng liên quan trong dây hụi tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch), giữa nguyên đơn lần lượt là bà Lê Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn H3 cùng với bị đơn là bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1, Tòa án đã nhận định rõ trong hai bản án: Dây hụi này khai được 16 lần, đến lần khai thứ 17 thì bà H1 chết mà chưa thực hiện xong nghĩa vụ của đầu thảo hụi; Bà Nguyễn Thị T là một trong những hụi viên có tham gia chơi trong dây hụi (Thời điểm xét xử 02 vụ án có xác minh lấy lời khai các hụi viên trong dây hụi, trong đó có bà T); Di sản của bà H1 chết để lại là quyền sử dụng đất thửa số 75, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.181,6m², loại đất ODT-CLN, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà H1 đang quản lý, sử dụng. Bà T khởi kiện, nêu các lần hụi viên kêu hụi, đóng hụi là trùng khớp với nhận định trong hai bản án đã xét xử.

Theo xác nhận của Trưởng Ban nhân dân khóm 2, xã C ngày 22-3-2024, thì bà H1 chết, chồng là Võ Văn T4 cũng chết, bà H1 còn mẹ ruột là cụ Phạm Thị C và có 03 người con là Võ Thị H, Võ Thị P, Võ Thanh T1.

[5] Từ đó, có cơ sở xác định việc bà T là hụi viên tham gia giao dịch dây hụi tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch) do bà H1 làm đầu thảo là sự thật. Các bên giao kết hợp đồng góp hụi đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và nội dung, mục đích của hợp đồng góp hụi không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi là hợp pháp theo quy định tại các Điều 117, 280, 471 Bộ luật Dân sự. Phía bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ của đầu thảo là chưa thanh toán đầy đủ tiền hụi cho hụi viên khi kết thúc hoặc chấm dứt hụi, chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà H1 đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của bà T, nay bà H1 đã chết thì người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền hụi vốn đã đóng, đồng thời ghi nhận tự nguyện của bà T về việc đồng ý khấu trừ tiền hụi chết phải đóng lại 04 lần của phần hụi đã hốt bằng 40.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng đầu thảo 5.000.000 đồng, bà T yêu cầu cụ C, bà H, bà P, ông T1 trả tiền nợ hụi là 87.250.000 đồng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phượng và việc trả nợ hụi trong phạm vi di sản bà H1 chết để lại là quyền sử dụng đất thửa số 75. Yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận; Việc bà T giảm một phần yêu cầu tiền nợ hụi 27.750.000 đồng (= 115.000.000 đồng – 87.250.000 đồng) và thay đổi phạm vi thanh toán nợ chỉ trong phạm vi di sản quyền sử dụng đất thửa số 75 (Đơn khởi kiện có yêu cầu thanh toán nợ trong tiền bảo hiểm nhân thọ) là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của bà T được chấp nhận, nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã đóng. Buộc cụ C, bà H, bà P, ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền nợ hui phải trả cho bà T (= 87.250.000 đồng x 5%), nhưng miễn phần án phí cho cụ C là 1.091.000 đồng do cụ là người cao tuổi, có đơn xin miễn được chấp nhận; còn lại bà H, bà P, ông T1 phải chịu án phí là 3.271.500 đồng (= 4.362.500 đồng – 1.091.000 đồng).

[7] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 280, 351, 357, 468, 471, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; các Điều 12, 14, 15, 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu phùng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn cụ Phạm Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 [Là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà Bùi Thị H1 (Đã chết ngày 18-01-2022)] phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền hui bà H1 còn nợ bà T trong dây hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05-10-2020 (nhằm ngày 19-8-2020 âm lịch) là **87.250.000đ (Tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)**, trả nợ trong phạm vi di sản là quyền sử dụng đất của bà H1 chết để lại thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.181,6m², loại đất ODT-CLN, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long), do bà Bùi Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền chênh lệch so với đã nêu trong đơn khởi kiện là 27.750.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và phần yêu cầu phạm vi thanh toán nợ trong di sản tiền bảo hiểm nhân thọ, do bà T tự nguyện rút lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Phạm Thị C. Buộc bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T1 phải nộp là 3.271.500đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 2.875.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004888 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo

